

Số: /BC-UBND

Ba Tơ, ngày tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO

Kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới năm 2024 đối với xã Ba Liên, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1016/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, quy định xã nông thôn kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025 áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 06/6/2024 về việc sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới và Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025; bổ sung tiêu chí huyện nông thôn mới đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021-2025 áp dụng trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 04/4/2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 51/QĐ-UBND ngày 21/5/2024 của UBND huyện về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện Ba Tơ năm 2024;

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế xây dựng xã nông thôn mới trên địa bàn xã Ba Liên, UBND huyện Ba Tơ báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn xã nông thôn mới năm 2024 đối với xã Ba Liên, cụ thể như sau:

I. Kết quả thẩm tra

Thời gian thẩm tra: Ngày 26/12/2024.

1. Về hồ sơ

Đạt yêu cầu theo các Quyết định, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh

(Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 1016/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 của UBND tỉnh; Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 06/6/2024 của UBND tỉnh).

Hồ sơ do UBND xã Ba Liên nộp tại Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện (Phòng Nông nghiệp và PTNT) đề nghị thẩm tra gồm:

(1) Tờ trình số 89/TTr-UBND ngày ngày 24/12/2024 về đề nghị thẩm tra, xét, công nhận xã Ba Liên đạt chuẩn nông thôn mới năm 2024.

(2) Biên bản họp của UBND xã đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới.

(3) Báo cáo số 340/BC-UBND ngày 23/12/2024 về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới đến năm 2024 của xã Ba Liên, huyện Ba Tư, tỉnh Quảng Ngãi.

(4) Báo cáo số 342/BC-UBND ngày 23/12/2024 về tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới năm 2024 của xã Ba Liên, huyện Ba Tư, tỉnh Quảng Ngãi.

(5) Báo cáo số 346/BC-UBND ngày 23/12/2024 về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Ba Liên, huyện Ba Tư.

(6) Hồ sơ minh chứng đạt chuẩn các tiêu chí, chỉ tiêu theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới.

2. Về kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng xã nông thôn mới

Để triển khai chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Ba Liên, Đảng ủy, HĐND, Ủy ban nhân dân xã, Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG xã Ba Liên đã ban hành các văn bản để chỉ đạo, tổ chức thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới trên tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội. Chỉ đạo xây dựng, kiện toàn, ban hành quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo xã, ban quản lý xã, phân công nhiệm vụ cho các cán bộ chuyên môn là thành viên Ban Chỉ đạo, ban quản lý; Chấp hành tốt chế độ thông tin báo cáo đảm bảo yêu cầu về thời gian, nội dung đạt chất lượng, độ chính xác của số liệu. Thường xuyên thực hiện kiện toàn Ban phát triển thôn của các thôn do đồng chí Bí thư Chi bộ các thôn làm Trưởng ban.

Phân công công chức chuyên môn xã theo dõi, phụ trách chương trình xây dựng nông thôn mới kịp thời và đạt tiến độ theo kế hoạch đề ra. Thường xuyên báo cáo Ban chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia huyện về tiến độ triển khai thực hiện chương trình trên địa bàn xã.

Ban Chỉ đạo xã đã chỉ đạo thường xuyên lồng ghép công tác tuyên truyền vào các hội nghị của xã, của thôn các chủ trương, chính sách về xây dựng nông thôn mới. Tuyên truyền, vận động nhân dân đóng góp công, góp của, góp thêm ý tưởng để thực hiện có hiệu quả Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã. Phối hợp các ban ngành đoàn thể xã, xây dựng kế hoạch và tuyên truyền chủ trương về xây dựng nông thôn mới đến với tất cả hội viên, đoàn viên từ xã đến thôn.

Tham gia đầy đủ các lớp tập huấn do tỉnh và huyện tổ chức, tổ chức được

nhiều lớp tập huấn chuyển giao kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi đưa các loại cây, con có giá trị kinh tế cao vào sản xuất; cử cán bộ, công chức tham gia các lớp tập huấn nâng cao năng lực về chuyên môn như các lớp về giáo dục, lao động, môi trường, các lớp kỹ năng về tuyên truyền cho hội viên, đoàn viên

Công tác phát triển kinh tế nông thôn được cấp ủy chính quyền xã quan tâm, chỉ đạo triển khai thực hiện. Sản xuất nông lâm nghiệp thủy sản đều đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch được huyện giao. Công tác phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, các ngành nghề nông thôn được quan tâm và có những bước phát triển. Thu nhập của nhân dân trên địa bàn từng bước được nâng cao, đời sống của nhân dân đã có nhiều thay đổi.

II. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới

1. Tiêu chí số 1: Quy hoạch

a) *Yêu cầu của tiêu chí:* Tiêu chí được đánh giá là đạt khi đáp ứng được các chỉ tiêu sau:

1.1. Có Quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021 – 2025 (*trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn*) và được công bố công khai đúng thời hạn.

1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch.

b) *Kết quả thực hiện:*

Hồ sơ đánh giá kết quả thực hiện Tiêu chí số 01 – Quy hoạch của xã Ba Liên thể hiện đầy đủ thông tin theo quy định. Kết quả thực hiện như sau:

STT	Nội dung tiêu chí	Kết quả thực hiện	Kết luận (đạt/chưa đạt)
1.1	Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021-2025 và được công bố công khai đúng thời hạn	Có	Đạt
1.2	Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Có	Đạt

c) *Đánh giá tiêu chí số 1: Đạt.*

2. Tiêu chí 02: Giao thông

a) *Yêu cầu của tiêu chí:* Tiêu chí được đánh giá là đạt khi đáp ứng được các chỉ tiêu sau:

2.1. Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm đạt 100%.

2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm đạt tỷ lệ $\geq 80\%$.

2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm đạt 100% (trong đó cứng hóa $\geq 55\%$).

2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm đạt 100% (trong đó cứng hóa $\geq 55\%$).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Tổng số các tuyến đường giao thông trên địa bàn xã Ba Liên là 26 tuyến/13,50 km, trong đó:

- Đường xã: 01 tuyến/3,0km (đường QL.24).
- Đường thôn, bản, ấp: 04 tuyến/6,50km.
- Đường ngõ, xóm: 20 tuyến/2,30 km.
- Đường trục chính, nội đồng: 01 tuyến/1,70 km.

Đánh giá việc thực hiện tiêu chí số 02 về Giao thông như sau:

b1. Tỷ lệ đường xã được nhựa hoá, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm, theo Quy hoạch L = 3,0km

- Mặt đường bê tông nhựa (QL.24): 01 tuyến/3,0 km đạt tỷ lệ 100%
- * Kết luận: Tỷ lệ thực hiện cứng hóa đạt 100%.

b2. Tỷ lệ đường thôn, bản ít nhất được cứng hoá, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm, theo Quy hoạch L = 6,50km

- Mặt đường BTXM: 04 tuyến/6,50km đạt tỷ lệ 100%
- * Kết luận: Tỷ lệ thực hiện cứng hóa đạt 100%.

b3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm, theo Quy hoạch L = 2,30km

- Mặt đường BTXM cứng hóa: 10 tuyến/1,41km đạt tỷ lệ 61,30% .
- Mặt đường đất chưa cứng hóa: 10 tuyến/0,89km đạt tỷ lệ 38,70%
- * Kết luận: Tỷ lệ thực hiện cứng hoá đạt **61,30%**.

b4. Tỷ lệ Đường trục chính nội đồng, đảm bảo vận chuyển hàng hoá thuận tiện quanh năm, theo Quy hoạch L = 1,70km

- Mặt đường BTXM cứng hóa: 01 tuyến/1,0km đạt tỷ lệ 58,82%
- Mặt đường đất chưa cứng hóa: 01 tuyến/0,70km đạt tỷ lệ 41,18%
- * Kết luận: Tỷ lệ thực hiện cứng hoá đạt **58,82%**.

c) Đánh giá tiêu chí số 2: Đạt.

3. Tiêu chí số 03: Thủy lợi

a) Yêu cầu của tiêu chí: Tiêu chí được đánh giá là đạt khi đáp ứng được các chỉ tiêu sau:

3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên.

3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên.

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động trên địa bàn xã là: $T_{Tưới} = S1/S = 30 / 30 \text{ (ha)} = 100\%$: Đạt

+ Tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động toàn xã là 30 ha.

- Tỷ lệ kiên cố hóa kênh mương thủy lợi loại III trên địa bàn xã là: $T_{KCH} = 5,883/7,151 = 82,26\%$: Đạt.

+ Tổng chiều dài kênh mương loại III xã quản lý đã được kiên cố theo quy hoạch xây dựng nông thôn mới chiều dài $L = 5,883 \text{ km}$ (gồm có 5 tuyến); số Km kênh mương chưa được kiên cố hóa chiều dài $L = 1,268 \text{ km}$.

+ Tổng chiều dài kênh mương loại III do xã quản lý theo quy hoạch chiều dài là $L = 7,151 \text{ km}$ (gồm có 5 tuyến kênh).

Theo bộ tiêu chí nông thôn mới, chỉ tiêu 3.1 đạt theo quy định.

3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ.

Biểu đánh giá

+ Đảm bảo tất cả các mục yêu cầu "có" tại cột yêu cầu phải đáp ứng "có".

+ Kết quả chấm điểm đạt từ 69,6 điểm.

+ Có xác nhận của UBND xã.

Theo bộ tiêu chí nông thôn mới, chỉ tiêu 3.2 đạt theo quy định.

c) Đánh giá tiêu chí số 3: Đạt.

4. Tiêu chí số 04: Điện

a) Yêu cầu của tiêu chí: Tiêu chí được đánh giá là đạt khi đáp ứng được các chỉ tiêu sau:

4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn;

4.2. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng thường xuyên, an toàn từ các nguồn $\geq 95\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

* Chỉ tiêu 4.1:

Nguồn điện đang sử dụng trên địa bàn xã Ba Liên được cung cấp từ xuất tuyến 478/110kV Mộ Đức. Trong đó, đường dây trung áp: 2,36 km, đường dây hạ áp: 3,7 km, có 02 TBA với tổng dung lượng 260 kVA.

Hệ thống cung cấp điện đảm bảo theo yêu cầu kỹ thuật, an toàn theo quy định:

- Đường dây trung áp:
- + Hồ sơ pháp lý, cung cấp điện, kết cấu chịu lực, vận hành: Đạt.
- + An toàn điện: Đạt.
- Trạm biến áp phân phối: Đạt.
- Đường dây hạ áp:
- Hồ sơ pháp lý, cung cấp điện, kết cấu chịu lực, vận hành: Đạt.

* Chỉ tiêu 4.2: Hiện trên địa bàn xã Ba Liên có tổng số khách hàng sử dụng điện: 420 khách hàng. Khách hàng sử dụng điện mục đích sinh hoạt 387, khách hàng sử dụng điện mục đích ngoài sinh hoạt 33 khách hàng; Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn đạt 98%.

c) *Đánh giá tiêu chí số 4: Đạt.*

5. Tiêu chí số 05: Trường học

a) *Yêu cầu của tiêu chí:* Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia $\geq 70\%$.

b) *Kết quả thực hiện tiêu chí*

- Trường Mầm non Ba Liên được công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia theo Quyết định số 1930/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về công nhận và cấp Bằng công nhận đạt chuẩn quốc gia cho trường Mầm Non Ba Liên, huyện Ba Tơ, giai đoạn 2023-2028 nên đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1.

- Trường TH&THCS Ba Liên được công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia theo Quyết định số 1047/QĐ-UBND ngày 20/7/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về công nhận và cấp Bằng công nhận đạt chuẩn quốc gia cho trường Tiểu học và Trung học cơ sở Ba Liên, huyện Ba Tơ, đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2020-2025 nên đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1.

c) *Đánh giá tiêu chí số 5: Đạt.*

6. Tiêu chí số 06: Cơ sở vật chất văn hóa

a) *Yêu cầu của tiêu chí:* Tiêu chí được đánh giá là đạt khi đáp ứng được các chỉ tiêu sau:

6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã, cụ thể:

6.1.1. Quy hoạch bố trí được quỹ đất ở vị trí trung tâm để xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, đảm bảo mọi người dân trong vùng đều được sử dụng thuận lợi và dễ dàng tiếp cận.

6.1.2. Diện tích đất quy hoạch của nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng $\geq 300 \text{ m}^2$.

6.1.3. Diện tích đất quy hoạch của khu thể thao xã (*chưa tính SVĐ xã*) \geq

1.000 m².

6.1.4. Quy mô chỗ ngồi của nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng xã ≥ 150 chỗ ngồi.

6.1.5. Trang thiết bị của nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao xã đạt $\geq 60\%$

6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định, cụ thể:

6.2.1. Có ít nhất 01 điểm vui chơi, giải trí độc lập cho người già và trẻ em (*Có thể bố trí trong khuôn viên Trung tâm Văn hóa - Thể thao, Đảm bảo trang thiết bị hoạt động phù hợp với trẻ em và người cao tuổi*).

6.2.2. Cam kết lộ trình đầu tư xây dựng điểm vui chơi, giải trí cho người già và trẻ em.

6.2.3. Điểm vui chơi giải trí và thể thao cho trẻ em của xã phải đảm bảo điều kiện và có nội dung hoạt động chống đuối nước cho trẻ em.

6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng: 100%.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

6.1.1. Khu thể thao xã: Khu thể thao, văn hóa xã được quy hoạch với tổng diện tích 10.449 m² sân bóng đá 11 người và sân bóng đá 05 người, đảm bảo tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao cho nhân dân trên địa bàn xã. Có công trình phụ trợ tường rào bảo vệ, cổng. Nguồn vốn đầu tư từ Ngân sách huyện, tổng kinh phí 900 triệu, đưa vào sử dụng năm 2021, đầu tư xây dựng Khu thể thao của xã, với tổng kinh phí 850 triệu đồng, đưa vào sử dụng năm 2020.

6.1.2. Nhà văn hóa xã được quy hoạch và xây dựng trong khuôn viên UBND xã, diện tích quy hoạch 750m². Công trình phụ trợ: khu vệ sinh, cây xanh.

6.1.3. Diện tích đất quy hoạch khu thể thao xã là 10.449m² đã bao gồm sân vận động xã với diện tích khoảng 5000m².

6.1.4. Nhà văn hóa xã được xây dựng mới với diện tích sàn xây dựng 305 m², hội trường 150 chỗ ngồi, có 1 phòng hành chính, 1 phòng thông tin truyền thanh, có sân khấu đảm bảo tổ chức các hoạt động hội nghị, hội thi và các sự kiện phục vụ các nhiệm vụ của địa phương.

6.1.5. Nhà văn hóa được trang bị bàn ghế, hệ thống âm thanh, máy chiếu, có sân khấu đảm bảo tổ chức các hoạt động hội nghị, hội thi và các sự kiện phục vụ các nhiệm vụ của địa phương.

6.2. Điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi; tập trung vui chơi sinh hoạt tại Nhà Văn hóa – Khu Thể thao xã và Nhà Văn hóa và Khu Thể thao thôn. Bên cạnh đó, trên địa bàn xã đã đầu tư xây dựng công viên văn hóa Ba Liên đảm bảo phục vụ cho người dân trên địa bàn xã có điểm vui chơi giải trí.

6.3. Xã có 2/2 nhà văn hóa thôn với quy mô diện tích từ 300 m²; nhà sinh

hoạt văn hóa và khu thể thao (*sân bóng chuyền, cầu lông*), được xây dựng mới theo thiết kế mẫu đúng quy định.

c) *Đánh giá tiêu chí số 6: Đạt.*

7. Tiêu chí số 07: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

a) *Yêu cầu của tiêu chí:* Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa.

b) *Kết quả thực hiện tiêu chí*

Trên địa bàn xã Ba Liên không có chợ và quy hoạch chợ nông thôn; hiện trạng có 07 cơ sở kinh doanh theo hình thức cửa hàng kinh doanh tổng hợp, trong đó có 01 cơ sở đảm bảo tất các các chỉ tiêu theo quy định tại Quyết định số 1327/QĐ-BCT ngày 03/6/2024 của Bộ Công thương, cụ thể là cửa hàng kinh doanh tổng hợp Lưu Thị Thanh Thúy tại thôn Đá Chát, xã Ba Liên. Kết quả như sau:

1. Có bảng hiệu cơ sở này đều có Bảng hiệu thể hiện tên, địa chỉ và số điện thoại liên hệ đảm bảo theo quy định.

- Tên cửa hàng: Tạp hoá Thanh Thúy.

- Địa chỉ: Km 14, Thôn Đá chát, xã Ba Liên

- Điện thoại: 0392657698

2. Thời gian mở cửa từ 06 giờ 00 phút đến 22 giờ 00 phút hàng ngày, thuận tiện cho việc mua bán của người dân.

3. Diện tích kinh doanh tại cửa hàng đều lớn hơn 120 m², đảm bảo theo quy định về diện tích tối thiểu của cơ sở bán lẻ khác.

4. Danh mục hàng hóa lớn hơn 200 tên hàng (*có danh mục cụ thể của từng cửa hàng kèm theo*).

5. Có bố trí quầy hoặc khu vực để trưng bày hàng hoá nông sản địa phương: có bàn và kệ trưng bày bán các nông sản địa phương như: Rau rừng, chuối, cá nuôi trong hồ Núi Ngang.

6. Công trình kiến trúc được xây dựng kiên cố, đảm bảo theo quy định: Nhà kiên cố (*03 cứng theo quy định*), có lối thoát hiểm đối với hộ có cửa hàng kinh doanh hàng hoá.

7. Có trang thiết bị cần thiết đảm bảo theo quy định:

- Tủ đông, tủ mát, 4 dãy kệ trưng bày lắp ráp, máy tính + in phiếu bán hàng.

- Ký cam kết về phòng cháy chữa cháy với địa phương, có phương tiện chữa cháy tại chỗ: 03 bình bột (*bình 4kg*), bảng tiêu lệnh phòng cháy chữa cháy.

8. Hàng hóa tại cửa hàng đều được niêm yết giá cụ thể, thuận tiện cho việc mua bán, theo dõi kiểm tra, quản lý: Có niêm yết giá trên sản phẩm, trên kệ.

9. Danh mục hàng hóa tại cửa hàng không thuộc danh mục cấm kinh doanh theo quy định.

c) *Đánh giá tiêu chí số 7: Đạt.*

8. Tiêu chí số 08: Thông tin và Truyền thông

a) *Yêu cầu của tiêu chí:* Tiêu chí được đánh giá là đạt khi đáp ứng được các chỉ tiêu sau:

- 8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính;
- 8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet;
- 8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn
- 8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành.

b) *Kết quả thực hiện tiêu chí:*

8.1. Xã có 01 điểm phục vụ bưu chính viễn thông tại thôn Đá Chát được xây dựng trên diện tích 100m², có 01 nhân viên làm việc tại bưu điện để giao dịch, tiếp nhận chuyển phát bưu phẩm, Tuy nhiên do nhu cầu giao dịch của khách hàng nên hiện nay một số hoạt động của bưu điện còn hạn chế.

Hiện nay trên địa xã có 01 người đi giao dịch lưu động, tiếp nhận chuyển phát bưu phẩm, tiền, quà, báo chí tại các địa điểm cơ quan hành chính UBND xã, trường học, trạm y tế xã. Công tác phục vụ đảm bảo đáp ứng nhu cầu của các đơn vị.

Có thùng thư góp ý được thiết kế và lắp đặt tại các địa điểm cơ quan hành chính UBND xã, trường học, trạm y tế xã. Đảm bảo an toàn cho người gửi thư góp ý, không làm ảnh hưởng đến trật tự công cộng. Được thống nhất về kích thước, màu sắc đảm bảo mỹ quan và được làm bằng vật liệu chắc chắn, khó cạy phá. Có hệ thống khóa riêng, có khe hở ngang đủ để bỏ thư và có thiết kế phù hợp để ngăn cản việc móc thư ra từ khe hở. Trên thùng thư có các thông tin về tên đơn vị quản lý, ngày giờ, số lần mở thùng thư trong ngày.

8.2. Tất cả các thôn trên địa bàn xã có hệ thống viễn thông đến từng thôn và phủ sóng mạng di động Vinaphone, Viettel, Mobiphone,... - Dịch vụ viễn thông, Internet trên địa bàn xã đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo quy định, các dịch vụ viễn thông, Internet, mạng Wifi được thu sóng tại các trạm phát sóng từ các xã lân cận, đáp ứng được nhu cầu của người tiêu dùng. Qua cung cấp của Đại lý Vinaphone và Viettel hiện nay trên địa bàn xã sử dụng có 83 hộ gia đình kết nối internet Vinaphone và 51 hộ sử dụng internet Viettel. - Xã đã có kết nối truyền dẫn băng rộng đa dịch vụ (ADSL, FTTH...), có các đường cáp đồng, cáp quang kết nối về tới trục đường chính trong xã, phục vụ nhu cầu internet tốc độ cao.

Về tiêu chuẩn, chất lượng dịch vụ Viễn thông: Chất lượng dịch vụ điện thoại cố định mặt đất nội hạt đảm bảo đáp ứng tiêu chuẩn theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng dịch vụ điện thoại trên mạng viễn thông cố định mặt đất. Chất lượng truy cập Internet, đường truyền riêng biệt cho các mạng nội bộ như: Đảng ủy, UBND xã, trường học đều đạt và vượt chuẩn quốc gia. Đảm bảo đáp ứng tiêu chuẩn theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng dịch vụ truy cập Internet ADSL.

8.3. Hiện xã có hệ thống đài truyền thanh để phục vụ yêu cầu thông tin,

tuyên truyền của địa phương trên hệ thống truyền thanh.

Hệ thống đài truyền thanh xã là hệ thống truyền thanh vô tuyến gồm có một máy phát trung tâm và 5 cụm loa tại 02 thôn, phủ khắp trên địa bàn 02 thôn điều hoạt động tốt, cụ thể trung tâm xã 1 cụm, thôn Đá Chát 3 cụm, thôn Hương Chiên 2 cụm, tất cả các cụm loa được lắp đặt tại vị trí phù hợp có đông đảo quần chúng nhân dân nghe Đài; có cán bộ phụ trách Đài truyền thanh xã.

8.4. Về ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành:

- Về cơ sở vật chất:

+ Xã đảm bảo máy tính phục vụ công tác chuyên môn của cán bộ, công chức, cụ thể: Bí thư, Phó Bí thư (*kiêm Chủ tịch HĐND*) 02 máy tính, Phó Chủ tịch HĐND xã có 01 máy tính, Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND xã có 02 máy tính; Mặt trận và đoàn thể mỗi phòng đều có 01 máy tính, Công an 06 máy tính, Ban Chỉ huy Quân sự có 01 máy tính, Chức danh Văn phòng – thông kê, Văn hóa – xã hội, Tư pháp hộ tịch, Địa chính – nông nghiệp – xây dựng và môi trường, Tài chính – kế toán mỗi người được trang bị 01 máy tính; ngoài ra còn bố trí thêm 01 máy tại bộ phận Một cửa, 02 máy tính tại Văn phòng Đảng ủy, chuyên trách Lao động TB và xã hội để bảo đảm trong quá trình làm việc. Máy tính đều hoạt động tốt.

+ Tỷ lệ cán bộ, công chức được trang bị máy tính để làm việc gồm 19 người với 19 máy vi tính, đạt tỷ lệ 100%.

+ Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, UBND, các ban ngành đoàn thể xã đều có máy vi tính và có kết nối mạng Internet, Eoffice để phục vụ công tác chuyên môn.

- Về ứng dụng công nghệ thông tin:

+ Có cổng thông tin điện tử: xabalien.quangngai.gov.vn

+ Xã có ứng dụng phần mềm Eoffice quản lý điều hành, phần mềm kế toán, phần mềm hộ khẩu, hộ tịch.

- Thống kê hồ sơ giải quyết trực tuyến và hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã: Tổng số hồ sơ tiếp nhận tại bộ phận Một cửa từ ngày 01/ 01/ 2023 đến ngày 14/11/2023: 509 hồ sơ, trong đó:

+ Giải quyết trực tiếp: 191/509 hồ sơ đạt 37,5%.

+ Giải quyết trực tuyến, trong năm 2023: 318/509 hồ sơ, đạt tỷ lệ 62,70%.

+ Kết quả tiếp nhận, xử lý, phản ánh, kiến nghị nào của tổ chức, cá nhân liên quan đến việc giải quyết thủ tục hành chính: Trong năm 2023, xã không có tiếp nhận phản ánh, kiến nghị nào của tổ chức, cá nhân liên quan đến việc giải quyết thủ tục hành chính.

c) *Đánh giá tiêu chí số 8: Đạt.*

9. Tiêu chí số 09: Nhà ở dân cư

a) *Yêu cầu của tiêu chí:* Tiêu chí được đánh giá là đạt khi đáp ứng được các chỉ tiêu sau:

9.1. Nhà tạm, dột nát: Không.

9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố $\geq 75\%$

b) *Kết quả thực hiện tiêu chí*

9.1. Hộ gia đình có nhà tạm, nhà dột nát: Không.

9.2. Tỷ lệ nhà đạt chuẩn: 381/391 nhà, tỷ lệ 97,44%.

c) *Đánh giá tiêu chí số 9: Đạt.*

10. Tiêu chí số 10 - Thu nhập

a) *Yêu cầu của tiêu chí:* Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2024 là ≥ 45 triệu đồng/người.

b) *Kết quả thực hiện tiêu chí:*

Theo kết quả điều tra, mức thu nhập bình quân đầu người của xã Ba Liên năm 2024: 45,56 triệu đồng/người.

c) *Đánh giá tiêu chí số 10: Đạt.*

11. Tiêu chí số 11 - Nghèo đa chiều

a) *Yêu cầu của tiêu chí:* Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 $\leq 13\%$.

b) *Kết quả thực hiện tiêu chí:*

- Tổng số hộ dân cư : 394 hộ;

- Tổng số hộ nghèo đa chiều: 31 hộ;

- Tổng số hộ cận nghèo đa chiều: 09 hộ;

- Tổng số hộ nghèo đa chiều không có khả năng lao động: 0 hộ;

- Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều trên địa bàn xã: $(\text{Hộ nghèo } 31 - \text{ hộ nghèo không có khả năng lao động } 0) / (394 \text{ hộ dân cư} - \text{ hộ nghèo không có khả năng lao động } 0) \times 100\% = \text{đạt tỷ lệ: } 7,87\%$

- Tỷ lệ hộ cận nghèo đa chiều trên địa bàn xã: $(\text{Hộ cận nghèo } 09 - \text{ hộ cận nghèo không có khả năng lao động } 0) / (394 \text{ hộ dân cư} - \text{ hộ nghèo không có khả năng lao động } 0) \times 100\% = \text{đạt tỷ lệ: } 2,28\%$.

- Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2011-2025 trên địa bàn xã Ba Liên năm 2024: 10,15%.

c) *Đánh giá tiêu chí số 11: Đạt.*

12. Tiêu chí số 12: Về Lao động

a) *Yêu cầu của tiêu chí:* Tiêu chí được đánh giá là đạt khi đáp ứng được các chỉ tiêu sau:

12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (*áp dụng đạt cho cả nam và nữ*) $\geq 70\%$

12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (*áp dụng đạt cho cả nam và nữ*) $\geq 20\%$.

b) *Kết quả thực hiện tiêu chí*

12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo

- a. Tổng dân số của xã: 1.477 người;
- b. Tổng số người trong độ tuổi lao động: 982 người;
- c. Lực lượng lao động (*gồm những người từ đủ 15 tuổi trở lên có việc làm hoặc thất nghiệp*) trên địa bàn xã: 892 người;
- d. Tổng số lao động qua đào tạo (*gồm những người từ đủ 15 tuổi trở lên có việc làm hoặc thất nghiệp*) trên địa bàn xã: 639 người ($639/892$ người $\times 100$), đạt tỷ lệ: 71,63%.

12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ: Tổng số lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (*gồm những người từ đủ 15 tuổi trở lên có việc làm hoặc thất nghiệp*) trên địa bàn xã: 204 người ($204/892$ người $\times 100$), đạt tỷ lệ: 22,87%.

c) **Đánh giá tiêu chí lao động: Đạt.**

13. Tiêu chí số 13: Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn

a) *Yêu cầu của tiêu chí:* Tiêu chí được đánh giá là đạt khi đáp ứng được các chỉ tiêu sau:

13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã, hoặc xã có tổ hợp tác hoạt động hiệu quả theo đúng quy định của pháp luật, có hợp đồng hợp tác, tiêu thụ sản phẩm chủ lực của địa phương.

13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững.

13.3. Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương ≥ 01 sản phẩm.

13.4. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (*nếu có*) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường.

13.5. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả

b) *Kết quả thực hiện tiêu chí*

13.1.

- Đối với nội dung “*Tổ chức, hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã hiện hành*” đối với Hợp tác xã phát triển nông lâm nghiệp bền vững Ba Liên:

+ Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã do cơ quan đăng ký kinh doanh cấp theo quy định (*bản photocopy công chứng*); Giấy phép kinh doanh ngành, nghề có điều kiện (*nếu có kinh doanh ngành nghề có điều kiện theo quy định pháp luật hiện hành, bản photocopy công chứng*): Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã 4300862191, cấp ngày 21/12/2020.

+ Điều lệ, điều lệ sửa đổi, bổ sung của Hợp tác xã: Có.

+ Danh sách thành viên Hợp tác xã theo mẫu quy định: Có.

+ Danh sách Hội đồng quản trị, giám đốc, ban kiểm soát, kiểm soát viên Hợp tác xã theo mẫu quy định: Có.

+ Báo cáo tình hình hoạt động: Năm 2024, có Báo cáo số 01/BC-HTX ngày 08/12/2024 về tình hình hoạt động của hợp tác xã năm 2024.

- Đối với nội dung “*Có ít nhất 01 loại dịch vụ cơ bản, thiết yếu theo đặc điểm từng vùng phục vụ thành viên hợp tác xã*” đối với Hợp tác xã phát triển nông lâm nghiệp bền vững Ba Liên:

Hợp tác xã phát triển nông lâm nghiệp bền vững Ba Liên có cung cấp dịch vụ thi công chăm sóc rừng trồng là dịch vụ cơ bản, thiết yếu tại địa phương (*trồng và chăm sóc rừng keo phục vụ hoạt động sản xuất của các xã viên và các tổ chức, hộ dân tại địa phương và địa phương khác có nhu cầu*) được thể hiện tại các Hợp đồng: số 02/2021/HĐTR-TRTT ngày 05/01/2021 (*thời gian thực hiện Hợp đồng từ năm 2021 đến năm 2025*), số 01/2022/HĐTCTR ngày 28/3/2022 (*thời gian thực hiện Hợp đồng từ năm 2022 đến năm 2027*).

- Đối với nội dung “*Được đánh giá, xếp loại*” đối với Hợp tác xã phát triển nông lâm nghiệp bền vững Ba Liên:

Bảng đánh giá, xếp loại năm liền trước (*năm 2023*) năm xét công nhận của Hợp tác xã theo mẫu quy định: Đạt 61 điểm.

- Đối với nội dung “*Có quy mô thành viên đủ lớn*” đối với Hợp tác xã phát triển nông lâm nghiệp bền vững Ba Liên: Danh sách có 18 thành viên.

13.2. Trên địa bàn xã mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản chủ lực: Heo kỵ sinh sản.

13.3. Trên địa bàn xã có 01 sản phẩm nông sản chủ lực của xã đảm bảo các yêu cầu lưu trữ, truy xuất thông tin ở mỗi công đoạn từ sản xuất đến lưu trữ, chế biến và thương mại sản phẩm: Cá thác lát.

13.4. Về kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (*nếu có*) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường. Hiện nay trên địa bàn xã không có làng nghề truyền thống gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường.

13.5. Hiện nay xã Ba Liên đã thành lập tổ khuyến nông cộng đồng xã tại Quyết định số 93a ngày 05/6/2023 của UBND xã Ba Liên. Tổ khuyến nông cộng đồng đã ban hành quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ cho các thành viên tổ để hoạt động hiệu quả. Xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm, đồng thời trong năm 2024 tổ khuyến nông được tham gia lớp tập huấn kỹ thuật,

c) *Đánh giá tiêu chí số 13: Đạt.*

14. Tiêu chí số 14: Giáo dục và đào tạo

a) *Yêu cầu của tiêu chí:* Tiêu chí được đánh giá là đạt khi đáp ứng được các chỉ tiêu sau:

14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xóa mù chữ:

- Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

- Đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2.
- Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 $\geq 98\%$
- Đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 2.
- Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.
- Trung tâm học tập cộng đồng được đánh giá/xếp loại: Khá.

14.2. Tỷ lệ học sinh (*áp dụng đạt cho cả nam và nữ*) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (*phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp*) $\geq 70\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

14.1. Xã Ba Liên đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục trung học cơ sở tại Quyết định số 3484/QĐ-UBND ngày 13/11/2024 của UBND huyện Ba Tơ về việc công nhận xã, thị trấn duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2, đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2. Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1: 16/16 em, đạt tỉ lệ 100%.

14.2: Tỷ lệ học sinh (*áp dụng đạt cho cả nam và nữ*) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (*phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp*): Tại thời điểm tháng 10/2024 là: 16/20, đạt 80%.

c) Đánh giá tiêu chí số 14: **Đạt.**

15. Tiêu chí số 15: Y tế

a) Yêu cầu của tiêu chí: Tiêu chí được đánh giá là đạt khi đáp ứng được các chỉ tiêu sau:

15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (*áp dụng đạt cho cả nam và nữ*) $\geq 90\%$.

15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế.

15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (*chiều cao theo tuổi*) $\leq 24\%$.

15.4. Xã triển khai thực hiện sổ khám chữa bệnh điện tử

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

15.1. Tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm Y tế: 1.428/1.477 người đạt 96,68%.

15.2. Xã Ba Liên đã duy trì đạt chuẩn tiêu chí Quốc gia về Y tế tại Quyết định số 323/QĐ-UBND ngày 16/3/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc công nhận xã Ba Liên, huyện Ba Tơ đạt tiêu chí quốc gia về Y tế và Quyết định số 505/QĐ-UBND ngày 25/4/2024 của UBND tỉnh về việc công nhận xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế (*duy trì đạt chuẩn*).

15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (*chiều cao theo tuổi*):

- Tổng số trẻ em dưới 5 tuổi trên địa bàn xã là 119, số được cân đo là 117 trẻ đạt: 98,3%.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi (*chiều cao theo tuổi*) là 40/117 đạt tỷ lệ 34%. Không đạt yêu cầu chỉ tiêu.

15.4. Tỷ lệ người dân có sổ khám khám bệnh điện tử được cài đặt trên điện thoại thông minh là 1.346/1.477 đạt 91,13%.

c) Đánh giá tiêu chí số 15: Đạt.

16. Tiêu chí số 16: Văn hóa

a) *Yêu cầu của tiêu chí*: Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định, có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới, cụ thể:

+ Tỷ lệ thôn được công nhận danh hiệu văn hóa 3 năm liên tục.

+ Tỷ lệ hộ gia đình được công nhận gia đình văn hóa 3 năm liên tục.

b) *Kết quả thực hiện tiêu chí*

* Thôn được công nhận danh hiệu văn hoá:

- Năm 2021 xã Ba Liên có 2/2 thôn đạt danh hiệu “Thôn văn hoá”, được UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số 6390/QĐ-UBND ngày 26/11/2021.

- Năm 2022 xã Ba Liên có 2/2 thôn đạt danh hiệu “Thôn văn hoá”, được UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số 4242/QĐ-UBND ngày 30/12/2022.

- Năm 2023 xã Ba Liên có 2/2 thôn đạt danh hiệu “Thôn văn hoá”, được UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số 3531/QĐ-UBND ngày 08/12/2023.

* Tỷ lệ hộ gia đình được công nhận danh hiệu văn hoá:

- Năm 2021 xã có 303/380 hộ gia đình đạt chuẩn văn hoá với tỉ lệ 79,73%.

- Năm 2022 xã có 358/384 hộ gia đình đạt chuẩn văn hoá với tỉ lệ 93,23%.

- Năm 2023 xã có 338/392 hộ gia đình đạt chuẩn văn hoá với tỉ lệ 82,22%.

* Tỷ lệ hộ gia đình được công nhận danh hiệu gia đình văn hoá 3 năm liên tục:

- Năm 2019 có 44 hộ/330 hộ, đạt 13,33%;

- Năm 2020 có 64 hộ/334 hộ, đạt 19,16%;

- Năm 2021 có 85 hộ/380 hộ, đạt 25,75%.

c) *Đánh giá tiêu chí Văn hóa*: Đạt.

17. Tiêu chí số 17: Môi trường và an toàn thực phẩm

a) *Yêu cầu của tiêu chí*: Tiêu chí được đánh giá là đạt khi đáp ứng được các chỉ tiêu sau:

17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn $\geq 20\%$ ($\geq 10\%$ từ hệ thống cấp nước tập trung).

17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường $\geq 90\%$.

17.3. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung.

17.4. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn $> 2\text{m}^2/\text{người}$.

17.5. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch.

17.6. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định $\geq 70\%$.

17.7. Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường 100% .

17.8. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch $\geq 70\%$

17.9. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường $\geq 60\%$

17.10. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm đạt 100% .

17.11. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn $\geq 30\%$.

17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định $\geq 30\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

17.1. Toàn xã Ba Liên, số hộ gia đình được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn năm 2023: 240/392 hộ, tỷ lệ $61,22\%$. Trong đó, số hộ gia đình được sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung là 152/392, đạt tỷ lệ $38,77\%$.

17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất – kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường (*đạt tỷ lệ 100%*): Trên địa bàn xã Ba Liên không có cơ sở sản xuất kinh doanh phải có hồ sơ môi trường.

17.3. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung: Đạt.

17.4. Diện tích trồng cây xanh công cộng tại điểm dân cư nông thôn của xã Ba Liên là $6.748,9 \text{ m}^2/12$ điểm công cộng, với số lượng cây là: 1.466 cây; Số nhân khẩu toàn xã Ba Liên năm 2024: 1.477 người, đạt $4,57 \text{ m}^2/\text{người}$.

17.5. Việc mai táng phù hợp với quy định và theo quy định: **Đạt**

17.6. Chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn xã chưa được thu gom vận chuyển đến nơi xử lý, vì vậy UBND xã, Hội liên hiệp phụ nữ xã tuyên truyền vận động nhân dân tự thu gom, xử lý tại nhà theo đúng quy định. Chất thải rắn không nguy hại từ hộ gia đình đều được phân loại, thu gom, xử lý theo đúng quy định, cụ thể: Chất hữu cơ từ hộ gia đình phân loại, thu gom và xử lý theo hình thức chôn lấp cùng với phân gia súc trong đất ruộng, vườn để làm phân bón cho sản xuất nông nghiệp; Chất thải vô cơ hộ dân tự xử lý tại nhà bằng hình

thức đốt, chôn lấp. Chất thải tái chế được thu gom và bán cho các vựa ve chai.

17.7. Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng có nguồn gốc và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường (*đạt tỷ lệ 100%*): *Đạt*.

17.8. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 03 sạch (*đạt*). Có 286 hộ gia đình có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị nước chứa sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch, đạt tỷ lệ 73%.

17.9. Tổng các chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường: có 33/51 hộ đáp ứng các yêu cầu: chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh, nằm cách biệt với nhà ở; chất thải chăn nuôi (*phân, nước tiểu*) được thu gom xử lý, đạt tỷ lệ 64,7%.

17.10. Số hộ được thống kê/số hộ tuân thủ quy định về an toàn thực phẩm của các hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm tương ứng với từng loại hình cơ sở: 52 hộ/52 hộ, đạt tỷ lệ: 100%.

17.11. UBND xã đã phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ xã tổ chức triển khai mô hình “Phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn” cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn xã. Kết quả có 119 hộ gia đình tham gia và ký cam kết thực hiện mô hình, chiếm tỷ lệ 30,35%. Đồng thời tiếp tục phối hợp triển khai các hộ còn lại trên địa bàn xã

17.12. Các chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn đảm bảo được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định. Khối lượng rác thải nhựa phát sinh trên địa bàn xã hàng năm là 29.238 kg. Khối lượng chất thải nhựa phát sinh được thu gom, tái sử dụng, tái chế là 17.964 kg (*đạt 61,4%*). Đồng thời UBND xã, các ban ngành hội đoàn thể thường xuyên vận động nhân dân thu gom xử lý rác thải nhựa theo quy định không để tình trạng gây ô nhiễm môi trường.

c) Đánh giá tiêu chí số 17: Đạt.

18. Tiêu chí số 18 - Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật.

a) Yêu cầu của tiêu chí: Tiêu chí được đánh giá là đạt khi đáp ứng được các chỉ tiêu sau:

18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn.

18.2. Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

18.3. Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên: 100%

18.4. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

18.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (*nếu có*); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội.

18.6. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển thôn.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

18.1. Cán bộ, công chức xã

Đối chiếu theo quy định, cán bộ xã Ba Liên có 10/10 người đảm bảo tiêu chuẩn chung và tiêu chuẩn cụ thể của từng chức vụ cán bộ cấp xã quy định tại khoản 1 Điều 7 và Điều 8 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định số 08/2024/QĐ-UBND ngày 08/3/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

Đối chiếu theo quy định, công chức xã Ba Liên có 09/9 người đảm bảo tiêu chuẩn chung và tiêu chuẩn cụ thể của từng chức vụ công chức cấp xã quy định tại Điều 7 và Điều 10 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định số 08/2024/QĐ-UBND ngày 08/3/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

18.2. Đảng bộ xã Ba Liên được Huyện ủy Ba Tư công nhận kết quả xếp loại chất lượng tổ chức cơ sở Đảng năm 2024: Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Chính quyền xã Ba Liên năm 2024 được UBND huyện đánh giá phân loại “hoàn thành tốt nhiệm vụ”.

18.3. Có 100% tổ chức chính trị - xã hội ở xã Ba Liên gồm: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh xã đều được cấp có thẩm quyền công nhận đạt “Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên” trong năm 2024, cụ thể:

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Ba Liên: Kết quả xếp loại Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

- Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xã Ba Liên: Kết quả xếp loại Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Hội Liên hiệp phụ nữ xã Ba Liên: Kết quả xếp loại Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Hội Nông dân xã Ba Liên: Kết quả xếp loại Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Hội Cựu chiến binh xã Ba Liên: Kết quả xếp loại Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

18.4. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

- Bảo đảm thi hành hiến pháp và pháp luật.

- Tiếp cận thông tin, phổ biến giáo dục pháp luật và thực hiện các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã.

- Hòa giải ở cơ sở.

- Thực hiện dân chủ cơ sở.

- Tổ chức tiếp công dân và giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo, thủ tục hành chính; đảm bảo an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

Cuối năm 2023, xã Ba Liên được UBND huyện Ba Tư công nhận là xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo Quyết định số 439/QĐUBND ngày 02/02/2024 của Chủ tịch UBND huyện.

18.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (*nếu có*); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội.

- Có cán bộ nữ trong Ban Thường vụ Đảng ủy cấp xã hoặc có ít nhất 01 nữ lãnh đạo chủ chốt ở cấp xã. Nữ lãnh đạo chủ chốt ở cấp xã bao gồm: Bí thư đảng ủy xã, phó bí thư đảng ủy xã, chủ tịch xã, phó chủ tịch xã, chủ tịch Hội đồng nhân dân, phó chủ tịch hội đồng nhân dân hoặc có cán bộ nữ được quy hoạch để khi khuyết thực hiện bổ trí vào vị trí chủ chốt này theo quy định: có 01 nữ lãnh đạo chủ chốt theo Quyết định số: 3596-QĐ/HU ngày 22/6/2020 của BTV Huyện ủy về chuẩn y kết quả bầu cử Ban chấp hành, Ban thường vụ, Bí thư, Phó bí thư Đảng ủy xã Ba Liên khóa VI, nhiệm kỳ 2020 – 2025.

- Có ít nhất 30% phụ nữ tham gia hợp tác xã, dự án giảm nghèo, mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực hoặc mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (*kinh tế, văn hóa, môi trường*): Có 90% phụ nữ tham gia mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực theo Quyết định số 89c/QĐ-UBND ngày 26/4/2024 của UBND xã Ba Liên về việc thành lập nhóm hộ tham gia dự án: Dự án Liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp, chăn nuôi heo kỵ bản địa thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới năm 2023, chuyển nguồn sang năm 2024.

- Không có trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn; tỷ số giới tính khi sinh đảm bảo đạt chỉ tiêu theo kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030 của tỉnh: Không có trường hợp nào tảo hôn; tỷ số giới tính khi sinh ở mức 14 bé trai/13 bé gái sinh ra sống vào năm 2024 đảm bảo đạt theo kế hoạch thực hiện chiến lược quốc gia về bình đẳng giới của giai đoạn 2021 -2030 của tỉnh Quảng Ngãi.

- Có ít nhất 01 địa chỉ tin cậy - nhà tạm lánh ở cộng đồng đạt chuẩn hỗ trợ người bị bạo lực trên cơ sở giới, bạo lực gia đình theo quy định tại Quyết định số 1814/QĐ-LĐTĐ ngày 18 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành quy định tiêu chuẩn tạm thời về điều kiện tối thiểu của địa chỉ tin cậy - nhà tạm lánh tại cộng đồng: có 02/02 thôn có địa chỉ tin cậy – nhà tạm lánh ở cộng đồng theo Quyết định số 244/QĐ-UBND ngày 30/4/2024 và Quyết định số 241/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND xã Ba Liên.

- Bổ trí người làm công tác bảo vệ trẻ em trong số các công chức cấp xã hoặc người hoạt động không chuyên trách bằng văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã như quyết định, thông báo hoặc quy chế phân công nhiệm vụ: Đã bổ trí 01 công chức phụ trách công tác bảo vệ trẻ em theo Quyết định số 109/QĐ-UBND ngày 31/5/2024 của UBND xã Ba Liên về phân công nhiệm vụ Chủ tịch, Phó chủ tịch, các ủy viên UBND và các công chức thuộc UBND xã Ba Liên nhiệm kỳ 2021 – 2026.

- Có Tổ chức phối hợp liên ngành về trẻ em cấp xã hoặc Nhóm thường trực bảo vệ trẻ em cấp xã thực hiện tốt nhiệm vụ theo quy định (*Có quyết định thành lập, quy chế làm việc*): Đã thành lập nhóm thường trực bảo vệ trẻ em cấp xã tại

Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 03/7/2024 của UBND xã Ba Liên về kiện toàn Ban điều hành và tổ giúp việc Ban điều hành về bảo vệ, chăm sóc trẻ em.

- Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn được trợ giúp bảo đảm đạt chỉ tiêu theo Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021-2030 của tỉnh: 100% trẻ em trên địa bàn xã được hỗ trợ, chăm sóc được đảm bảo kịp thời.

- 100% số vụ việc trẻ em bị xâm hại được phát hiện được hỗ trợ, can thiệp kịp thời theo quy định tại Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trẻ em, Thông tư số 13/2021/TT-BLĐTBXH: Trên địa bàn xã Ba Liên không có vụ việc trẻ em bị xâm hại.

18.6. Năm 2024, UBND xã Ba Liên đã ban hành Kế hoạch số 85/KH-UBND ngày 11/9/2024 về bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho cán bộ, công chức và người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển thôn. Tham gia đầy đủ các lớp tập huấn do Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh, Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện, UBND tỉnh, UBND huyện tổ chức trong năm 2024.

c) Đánh giá tiêu chí số 18: Đạt.

19. Tiêu chí số 19: Quốc phòng và An ninh

a) Yêu cầu của tiêu chí: Tiêu chí được đánh giá là đạt khi đáp ứng được các chỉ tiêu sau:

19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng

19.2. Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (*ma túy, trộm cắp, cờ bạc, ...*) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước; có một trong các mô hình (*phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy*) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

19.1. Công tác xây dựng Ban chỉ huy quân sự xã đủ 04 chức danh, đúng cơ cấu, thành phần. Chỉ huy trưởng đã qua đào tạo chuyên ngành, cán bộ chỉ huy tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chính trị, quân sự, pháp luật và chuyên môn. Cán bộ ban chỉ huy được hưởng đầy đủ phụ cấp thâm niên, phụ cấp quản lý đơn vị, các chế độ chính sách đãi ngộ theo đúng quy định của pháp luật. Đã có nhà làm việc riêng và trang thiết bị đảm bảo theo quy định.

- Công tác xây dựng lực lượng: Xây dựng lực lượng dân quân tổ chức đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ tham gia dân quân tự vệ, biên chế lực lượng dân quân rộng khắp trên địa bàn xã từ cấp thôn, xóm đều có lực lượng dân quân. Tổ chức kết nạp dân quân mới, cho ra đời dân quân hoàn thành nhiệm vụ đúng quy định, tổ chức biên chế các đơn vị đủ số lượng, đảm bảo

chất lượng. Lực lượng dân quân được giáo dục chính trị, huấn luyện quân sự đảm bảo nội dung, thời hạn, chương trình quy định, quân số tham gia đủ chỉ tiêu trong năm. Lực lượng dân quân được trang bị vũ khí, công cụ hỗ trợ đảm bảo làm nhiệm vụ. Công tác quản lý, sử dụng thực hiện chặt chẽ không để xảy ra hư hỏng, xuống cấp, luôn sẵn sàng chiến đấu. Tổ chức phối hợp với các lực lượng thực hiện tốt Nghị định số 02/2020/NĐ-CP trong các hoạt động bảo vệ biên giới, biên đảo, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở cơ sở, bảo vệ và phòng, chống cháy rừng đúng quy định, thực hiện nhiệm vụ phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn rộng khắp trên địa bàn xã và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự.

- Xây dựng lực lượng dự bị động viên và phương tiện kỹ thuật: Tổ chức đăng ký quản lý công dân nam trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ, đăng ký tuổi 17 đúng quy định, chặt chẽ; 100% quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự ở các đơn vị về địa phương được đăng ký vào ngạch dự bị, phối hợp với các đơn vị nhận nguồn tổ chức biên chế đảm bảo số lượng, thực hiện chế độ chính sách đúng quy định. Tổ chức thực hiện tốt công tác đăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật trên địa bàn chặt chẽ đảm bảo công tác huy động, khi tình huống xảy ra. Huy động quân nhân dự bị kiểm tra sẵn sàng chiến đấu và tham gia huấn luyện hàng năm đạt 100% chỉ tiêu.

- Công tác sẵn sàng chiến đấu: Tổ chức lực lượng trực SSCĐ trong các ngày lễ tết đúng quy định của các cấp, duy trì chế độ trực 12/24 bảo vệ trụ sở UBND xã nghiêm túc bảo đảm an toàn tuyệt đối. Thực hiện tốt công tác giao ban, trao đổi thông tin giữa các lực lượng Quân sự, Công an, Kiểm lâm và các đơn vị trên địa bàn, nắm chắc tình hình kịp thời tham mưu cho cấp ủy đảng chính quyền địa phương, xử lý tốt các vấn đề xảy ra ở địa phương xử lý tốt các vấn đề xảy ra ở địa phương, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã.

- Công tác tuyên truyền: Cùng với các ngành phối hợp tuyên truyền thực hiện tốt công tác tuyên sinh vào các trường quân sự, Luật Nghĩa vụ quân sự, Luật Dân quân tự vệ, các văn bản hướng dẫn của các cấp đến mọi tầng lớp nhân dân đạt chất lượng tốt, góp phần cùng địa phương hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng quanh năm.

- Công tác tuyển quân: Tổ chức thực hiện tốt công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ hàng năm đúng quy trình và đạt 100% chỉ tiêu năm, không có quân nhân đào, bỏ ngũ.

- Công tác giáo dục quốc phòng an ninh: Thường xuyên đăng ký thống kê các đối tượng GDQP-AN trên địa bàn xã đúng quy định, tổ chức bồi dưỡng kiến thức QPAN cho đối tượng 4 cấp xã 12/12 đồng chí đạt 100% chỉ tiêu, đưa các đối tượng tham gia bồi dưỡng do cấp trên tổ chức đảm bảo số lượng.

- Công tác báo cáo, thông báo và thực hiện chế độ chính sách: Thực hiện nghiêm các chế độ báo cáo, thông báo đảm bảo kịp thời, chính xác, chất lượng cao. Thực hiện đúng quy trình bổ nhiệm, miễn nhiệm, giải ngạch, kết nạp mới, công nhận hoàn thành nghĩa vụ dân quân với quân nhân dự bị và dân quân chặt chẽ, đúng quy trình. Đầu tư ngân sách mua sắm thiết bị cho Ban chỉ huy quân sự xã, hỗ trợ ngày công cho các lực lượng tham gia làm nhiệm vụ kịp thời, thường

xuyên thăm hỏi, tặng quà đối với các đồng chí trong lực lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ gặp hoàn cảnh khó khăn nhân dịp lễ tết. Tổ chức cho lực lượng DBĐV, DQTV tham gia các hoạt động xã hội, giúp đỡ các gia đình chính sách, gia đình có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn xã được nhân dân đánh giá cao. Công tác thi đua khen thưởng được thực hiện theo quy định.

19.2:

- Nhằm bảo đảm tình hình ANQG, giữ gìn TTATXH trên địa bàn xã, góp phần thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu Quốc gia về xây dựng Nông thôn mới trên địa bàn xã, ngay từ đầu năm Đảng ủy đã ban hành Nghị quyết số 39-NQ/ĐU ngày 20/01/2024 về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội và xây dựng lực lượng Công an xã năm 2024. Trên cơ sở đó Ủy ban nhân dân xã ban hành Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 22/01/2024 về công tác bảo đảm an ninh, trật tự năm 2024. Ban Chỉ đạo phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc xã ban hành Kế hoạch số 06/KH-BCĐ138 ngày 29/02/2024 về thực hiện công tác phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc năm 2024. Chỉ đạo lực lượng Công an xã ban hành Kế hoạch số 03/KH-CAX ngày 20/01/2024 về công tác trọng tâm của Công an xã năm 2024.

- Năm 2023 xã Ba Liên được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Công nhận đạt chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” quy định theo Thông tư số 124/2021/TT-BCA ngày 28/12/2021 của Bộ Công an quy định về khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn “An toàn về ANTT”.

- Triển khai tốt công tác “dân vận khéo”, phòng ngừa tội phạm, gắn với thường xuyên phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc nên trong năm 2024, trên địa bàn xã Ba Liên không có khiếu kiện đông người trái pháp luật.

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTT đạt hiệu quả nên từ đầu năm 2024 đến nay, trên địa bàn không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Trên cơ sở kế hoạch của Công an huyện, Công an xã ban hành Kế hoạch số 21/KH-CAX ngày 23/5/2024 về triển khai thực hiện một số công tác trọng tâm nhằm kéo giảm 5% số vụ phạm tội về trật tự xã hội năm 2024

- Lực lượng Công an xã thường xuyên củng cố, kiện toàn và xây dựng mới nhiều mô hình trên địa bàn xã đảm bảo hoạt động hiệu quả. Hiện nay, các mô hình hoạt động tương đối hiệu quả nhằm góp phần giữ vững TTATXH, đảm bảo an toàn PCCC trên địa bàn xã như: Mô hình “Tiếng keng giữ gìn ANTT”; Mô hình “Điểm chữa cháy công cộng” tại thôn Đá Chát; Mô hình “Camera an ninh”; Mô hình “Hộ an toàn - Thôn bình yên - Xã đạt tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng nông thôn mới”,... Ngoài ra, Công an xã còn phối hợp quản lý Camera an ninh do chi bộ thôn Đá Chát lắp đặt.

- Địa bàn xã Ba Liên không thuộc địa bàn xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự.

- Năm 2023, tập thể Công an xã Ba Liên được đánh giá, xếp loại “Đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”, đạt danh hiệu “Đơn vị Quyết thắng”; 04 đồng chí đạt danh hiệu chiến sĩ tiên tiến, 01 đồng chí đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở; Năm 2024 cá nhân CBCS, tập thể Công an xã cũng được đánh giá cao, cấp trên đang đánh giá, xếp loại. Không có cán bộ, chiến sĩ vi phạm bị xử lý kỷ luật; lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở cơ sở được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ, không có cá nhân vi phạm pháp luật.

c) Đánh giá tiêu chí số 19: Đạt.

4. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới: Trên địa bàn xã không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới.

5. Về kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới

5.1. Mục tiêu

- Hoàn thành việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Ba Liên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030.

- Đẩy nhanh tiến độ các công trình xây dựng do UBND xã làm chủ đầu tư trên địa bàn xã, để hoàn thiện đạt các tiêu chí nông thôn mới theo quy định và kế hoạch đề ra.

- Triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới để hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; hạ tầng nông nghiệp nông thôn; hỗ trợ phát triển sản xuất, hỗ trợ chuyển đổi ngành nghề nông dân nông thôn; hỗ trợ xây dựng các mô hình kinh tế nông lâm thủy sản góp phần tăng thu nhập cho người dân nông thôn, miền núi.

5.2. Giải pháp

- Tăng cường công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội trong việc triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới. Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền nâng cao ý thức, vai trò của người dân trong việc xây dựng nông thôn mới.

- Xây dựng vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng khoa học, công nghệ tạo sản phẩm chất lượng, an toàn thực phẩm, phát triển mô hình hợp tác xã kiểu mới hoạt động hiệu quả, tham gia vào chuỗi giá trị, gắn với sản phẩm chủ lực của địa phương, nâng cao hiệu quả của tổ hợp tác sản xuất.

- Tiếp tục tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, sản xuất theo chuỗi giá trị, liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm để tăng thu nhập cho người dân.

- Tiếp tục đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng phù hợp với sự phát triển nông nghiệp của địa phương, quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới.

III. Kết luận

1. Về hồ sơ

Đạt yêu cầu theo các Quyết định, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh (Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 1016/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 của UBND tỉnh; Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 06/6/2024 của UBND tỉnh).

2. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới

Tổng số tiêu chí nông thôn mới của xã Ba Liên đã được UBND huyện Ba Tơ thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới tính đến thời điểm thẩm tra là 19/19 tiêu chí, đạt 100%.

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới

Trên địa bàn xã không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới.

IV. Kiến nghị

Đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT, Văn phòng Điều phối Nông thôn mới tỉnh, các sở, ngành tỉnh xem xét thẩm định, đánh giá mức độ đạt chuẩn các chỉ tiêu, tiêu chí xây dựng nông thôn mới tại xã Ba Liên, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định công nhận xã Ba Liên, huyện Ba Tơ đạt chuẩn nông thôn mới năm 2024.

Trên đây là kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới năm 2024 đối với xã Ba Liên, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi; UBND huyện kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Quảng Ngãi;
- Văn phòng NTM tỉnh;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Mặt trận và các tổ chức CT-XH huyện;
- Các phòng, ban, đơn vị thuộc huyện;
- Chi cục Thống kê, Công an huyện, Ban Chỉ huy quân sự huyện, Bảo hiểm xã hội huyện, Điện lực Ba Tơ;
- Văn phòng NTM huyện;
- UBND xã Ba Liên;
- VP HĐND và UBND huyện;
- Lưu: VT, NN(Nga).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Giang Nam